

# Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các tập đoàn kinh tế

▣ Hoàng Văn Ninh\*

**T**ập đoàn kinh tế (TĐKT) phải lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động, quy mô đầu tư và địa bàn tổ chức sản xuất, kinh doanh, với mức độ phân cấp quản lý kinh tế, tài chính ở TĐ. Lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán thích hợp nhằm thu nhận, xử lý hệ thống hóa và cung cấp được đầy đủ, kịp thời toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh, tình hình biến động tài sản, nguồn vốn, chi phí, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh. Về cơ bản, việc tổ chức công tác kế toán ở DN có ba hình thức:

*Hình thức 1: Tổ chức công tác kế toán tập trung:* Theo hình thức này, DN chỉ tổ chức một phòng kế toán (ở văn phòng Cty, TCty, TĐ) còn ở các đơn vị phụ thuộc không có tổ chức kế toán riêng. Phòng kế toán trung tâm thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận, xử lý và hệ thống hóa toàn bộ thông tin kế toán. Phòng kế toán trung tâm lưu trữ, bảo quản toàn bộ hồ sơ, tài liệu kế toán

*Hình thức 2: Hình thức tổ chức công tác kế toán phân tán:* Theo hình thức này, DN thành lập phòng kế toán trung

Kế toán với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin kinh tế và tài chính. Tổ chức công tác kế toán khoa học và hợp lý tại các tập đoàn kinh tế giúp cho việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời, đầy đủ, phản ánh kịp thời tình hình biến động của tài sản, doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh, qua đó, làm giảm bớt khối lượng công tác kế toán trùng lặp, tiết kiệm chi phí, đồng thời giúp cho việc kiểm kê, kiểm soát tài sản, nguồn vốn, hoạt động kinh tế, đo lường và đánh giá hiệu quả kinh tế, xác định lợi ích của Nhà nước, của các chủ thể trong kinh tế thị trường... Vấn đề đặt ra là phải hoàn thiện công tác tổ chức công tác kế toán và hệ thống thông tin kế toán để đáp ứng yêu cầu và nhiệm của các tập đoàn kinh tế nhà nước.

tâm (đơn vị kế toán cấp trên); còn ở các đơn vị kế toán cấp cơ sở đều có tổ chức kế toán riêng (đơn vị kế toán cấp cơ sở. Công việc kế toán của DN được phân công như sau:

*Phòng kế toán trung tâm có nhiệm vụ:* Thực hiện các phân hành công việc kế toán phát sinh ở đơn vị kế toán cấp trên và công tác tài chính của DN; Hướng dẫn và kiểm tra công tác kế toán ở các đơn vị cấp cơ sở; Thu nhận, kiểm tra báo cáo tài chính (BCTC) của các đơn vị cơ sở gửi lên và cùng với BCTC ở đơn vị cấp trên để lập BCTC toàn DN.

*Ở các đơn vị kế toán cấp cơ sở:* Thực hiện công tác kế toán ở đơn vị kế toán cấp cơ sở, tổ chức thu nhận, xử lý và hệ thống hóa toàn bộ thông tin kế toán ở đơn vị để lập được các

BCTC định kỳ gửi về phòng kế toán trung tâm.

*Hình thức 3: Tổ chức kế toán vừa tập trung, vừa phân tán:* Theo hình thức tổ chức công tác kế toán này, ở đơn vị kế toán cấp cơ sở thực hiện một số phân hành kế toán theo phân cấp và định kỳ lập BCTC, hoặc báo cáo phân hành nghiệp vụ gửi về phòng kế toán trung tâm, cùng chứng từ kế toán.

Ở các TĐ kinh tế với quy mô lớn, có nhiều đơn vị thành viên và trực thuộc nên thực hiện hình thức tổ chức công tác kế toán và phân tán như sau:

*Cấp 1:* Bộ phận kế toán tại trung tâm kế toán (gọi kế toán tại ngành): Tại trung tâm của TĐ có bộ máy kế toán làm nhiệm vụ kế toán, lập BCTC của Cty mẹ và toàn TĐ, lập BC kế toán quản trị:

\* Tổng Giám đốc TCT Tài chính Điện lực Việt Nam

Báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố; doanh thu, chi phí, lãi lỗ của từng loại sản phẩm,...

*Cấp 2:* Bộ phận kế toán tại các đơn vị thành viên và trực thuộc TĐ. Đối với các đơn vị thành viên (ĐVTV) là các công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên do TĐ nắm giữ 100% vốn điều lệ, các công ty cổ phần (CTCP) do TĐ nắm giữ cổ phần chi phối, các công ty liên kết với TĐ là các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán riêng. Các đơn vị thực hiện lập BCTC hợp nhất của Cty. Riêng đối với các Tổng Cty hoạt động theo mô hình Cty mẹ- Cty con thì TCty phải lập BCTC của Cty mẹ và BCTCHN, các ĐVTV lập báo cáo KTQT. Các đơn vị trực thuộc TĐ thực hiện tổ chức bộ máy kế toán riêng và thực hiện lập BCTC và BC KTQT của đơn vị gửi về TĐ để TĐ tổng hợp.

*Cấp 3:* Bộ phận kế toán tại các ĐVTV trực thuộc của các TCty, Cty là các ĐVTV, trực thuộc TĐ. Các đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp 2 của TĐ thực hiện tổ chức bộ máy kế toán riêng và thực hiện lập BCTC và BCKTQT của đơn vị gửi về Cty cấp 2. Trong các TCty, các đơn vị cấp 3 gửi BCTC và BCKTQT về Cty mẹ của TCty để tổng hợp vào BCTC và BCKTQT của Cty mẹ, TCty.

### **Tiêu chuẩn kế toán áp dụng thống nhất trong một TĐ**

Trên cơ sở các quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (CMKTVN), các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính của Bộ Tài chính và các đặc thù riêng của từng tập đoàn kinh tế, các TĐKT cần nghiên cứu xây dựng chế độ kế toán áp dụng riêng trong nội bộ TĐ trên nguyên tắc vừa đảm

bảo tuân thủ CMKTVN vừa đáp ứng được đặc thù của TĐ, đáp ứng được cả kế toán tài chính và kế toán quản trị. Chế độ kế toán là cơ sở nền tảng để xây dựng chuẩn hóa chương trình phần mềm kế toán áp dụng cho Cty mẹ, các ĐVTV và trực thuộc trong TĐKT. Nội dung hệ thống kế toán áp dụng trong TĐKT, gồm:

*Một là:* Hệ thống tài khoản kế toán (TKKT), được chia ra các nội dung: Hệ thống TKKT; Hệ thống mã TKKT; Giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép TKKT; Hướng dẫn hạch toán một số tài khoản đặc thù riêng của TĐKT.

*Hai là:* Hướng dẫn một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu mang tính đặc thù của TĐKT, gồm: hướng dẫn một số nghiệp vụ cho khối SXKD, cho khối đầu tư xây dựng, cho khối sự nghiệp; một số sơ đồ kế toán chủ yếu.

*Ba là:* Chế độ BCTC và BCKTQT, gồm: những quy định chung; hệ thống BCTC, BCKTQT; hướng dẫn lập BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất; BCTCQT.

*Bốn là:* Chế độ chứng từ, sổ kế toán, gồm: chế độ chứng từ kế toán; chế độ sổ kế toán, được quy định cụ thể cho các đơn vị thành viên và phụ thuộc, phương pháp ghi sổ kế toán.

### *Hệ thống tài khoản kế toán*

Để xây dựng và vận hành thành công được chương trình phần mềm kế toán, một trong những yếu tố rất quan trọng là các TĐKT phải chuẩn hóa hệ thống TKKT và các TKKT được mã hóa. Hệ thống TKKT được áp dụng thống nhất cho Cty mẹ và các Cty thành viên và phụ thuộc của TĐ và được thống nhất từ đơn vị cấp 1 đến đơn vị cấp 2,3,4 của

toàn TĐ. Cần quy định rõ những TKKT do Nhà nước quy định, TKKT do TĐ mở thêm. TĐKT có thể đưa ra tài khoản cấp cụ thể của từng loại khoản theo yêu cầu quản lý, nhưng không quá 24 số.

### *Hệ thống báo cáo tài chính*

Xây dựng hệ thống mẫu BCTC để áp dụng thống nhất cho Cty mẹ và các ĐVTV, trực thuộc làm cơ sở cho việc thiết lập một chương trình kế toán chuẩn hóa từ Cty mẹ đến Cty con và các đơn vị liên kết. BCTC cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của đơn vị, đáp ứng yêu cầu quản lý của đơn vị và của TĐ, cơ quan nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. BCTC cung cấp thông tin về Tài sản, Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, Doanh thu, Thu nhập khác, Chi phí kinh doanh và Chi phí khác; Lãi, lỗ và phân chia KQKD; Thuế và các khoản nộp Nhà nước; Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán; các luồng tiền. Ngoài ra, trong Bản thuyết minh BCTC giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các BCTC tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày BCTC.

Hệ thống BCTC năm áp dụng cho TĐ, các ĐVTV và phụ thuộc. TĐ lập BCTC hợp nhất phải tuân thủ quy định tại CMKT số 25- “BCTC hợp nhất và kế toán đầu tư vào Cty con”. Hệ thống BCTC gồm BCTC năm và BCTC giữa niên độ, cụ thể:

BCTC gồm: Bảng CĐKT; Báo cáo kết quả HĐKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh BCTC.

BCTC giữa niên độ: Để thuận tiện trong việc thiết lập phần mềm kế toán và thống nhất trong các kỳ kế toán và lũy kế cả năm, các TĐKT nên quy định thống nhất báo cáo quý: Bảng CĐKT; Báo cáo kết quả HĐKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh BCTC. Riêng Bản thuyết minh BCTC tùy từng TĐKT có thể trình bày đầy đủ hoặc chọn lọc.

TĐKT có trách nhiệm lập BCTC hợp nhất và BCTC tổng hợp, trình bày tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu ở thời điểm lập BCTC; tình hình và kết quả HĐKD trong kỳ báo cáo của đơn vị. Hệ thống BCTC gồm bốn biểu mẫu báo cáo: Bảng CĐKT; Báo cáo kết quả HĐKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh BCTC.

Các ĐVTV và phụ thuộc của TĐKT lập BCTC tổng hợp để trình bày tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu ở thời điểm lập BCTC, kết quả HĐKD.

Đối với Cty mẹ của TĐ vừa phải lập BCTC tổng hợp vừa phải lập BCTC hợp nhất thì phải lập BCTC tổng hợp trước (tổng hợp theo loại hình hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sự nghiệp), sau đó lập BCTC hợp nhất.

Đối với các ĐVTV có hoạt động đầu tư tài chính vào các Cty con, Cty liên kết thì ngoài việc lập BCTC tổng hợp, các đơn vị cũng phải lập BCTC hợp nhất.

Ngoài bốn biểu BCTC tổng hợp còn bao gồm cả các BCK-TQT. Tùy đặc thù của từng TĐKT để quy định cụ thể của từng mẫu biểu. Đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, quy định các biểu mẫu của BCKTQT như sau:

Đối với khối SXKD gồm báo cáo sản lượng điện; báo cáo tiêu thụ điện; báo cáo tổn thất điện năng; báo cáo chi phí SXKD điện năng; chi tiết than dầu; báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ; báo cáo các công trình sửa chữa lớn; báo cáo KQKD theo từng loại hình; báo cáo chi phí SXKD điện theo yếu tố; báo cáo tình hình tăng giảm nguồn vốn; báo cáo thu chi các quỹ; báo cáo tình hình thu nộp NSNN.

Đối với khối đầu tư xây dựng gồm: báo cáo Nguồn vốn đầu tư; báo cáo chi tiết nguồn vốn ĐTXD theo từng công trình; báo cáo nguồn vốn vay dài hạn; báo cáo tình hình vay trả nợ; báo cáo tình hình thực hiện ĐTXD; báo cáo công trình, hạng mục công trình bàn giao; báo cáo chi tiết TSCĐ tăng, giảm; báo cáo chi phí ban quản lý dự án,...

Đối với khối các đơn vị sự nghiệp gồm: báo cáo tình hình sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng; báo cáo số học sinh đào tạo; báo cáo kết quả hoạt động sự nghiệp có thu; báo cáo chi tiết thực hiện dự án đề nghị quyết toán,...

#### *Hệ thống chứng từ kế toán*

Cần quy định về chế độ chứng từ kế toán (CTKT) để chuẩn hóa về tổ chức việc lập, ký CTKT; tổ chức thực hiện CTKT bắt buộc, CTKT hướng dẫn; tổ chức thực hiện chế độ hóa đơn bán hàng; tổ chức thực hiện chế độ chứng từ điện tử; tổ chức thu nhận thông tin kế toán phản ánh trong CTKT; Tổ chức kiểm tra và xử lý CTKT; Tổ chức luân chuyển CTKT). Việc tổ chức thực hiện chế độ CTKT, các TĐKT phải tuân thủ nguyên tắc lập và ghi chép nghiệp vụ kinh tế tài chính trên CTKT;

kiểm tra ghi sổ và lưu trữ, bảo quản CTKT; xử lý vi phạm đã được quy định trong Luật Kế toán và quy định về CTKT trong chế độ kế toán DN, cụ thể:

*Một là*, CTKT ban hành theo quy định của Bộ Tài chính, như chứng từ về lao động tiền lương, hàng tồn kho, bán hàng, tiền tệ, TSCĐ.

*Hai là*, CTKT theo quy định của các văn bản pháp luật khác, như giấy chứng nhận nghỉ ốm hưởng BHXH, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho hàng gửi đại lý, hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính;...

*Ba là*, chứng từ đặc thù theo quy định của từng TĐKT như hóa đơn GTGT bán hàng, phiếu xuất kho nội bộ,...

#### *Hệ thống sổ kế toán*

Các TĐKT phải tuân thủ các quy định của nhà nước về sổ kế toán: mở sổ; ghi chép; sửa chữa sai sót; khóa sổ; lưu trữ, bảo quản sổ kế toán; xử lý vi phạm. Cần lựa chọn hình thức kế toán và sổ kế toán thích hợp áp dụng cho TĐ. TĐKT là một doanh nghiệp có quy mô lớn nên áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và đưa ra một số mẫu sổ đặc thù như: Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng VNĐ, bằng ngoại tệ; Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ; Sổ tổng hợp TSCĐ theo nguồn vốn; Sổ thanh toán với người mua; bằng VNĐ, bằng ngoại tệ; Sổ theo dõi hợp đồng; Sổ theo dõi công nợ với người mua; với người bán; Sổ chi tiết theo dõi tiền vay dài hạn; Sổ chi tiết theo dõi tiền vay; Sổ chi tiết sản lượng

*(Xem tiếp trang 27)*